

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169/2020/HS-ST**
Ngày 26 tháng 11 năm 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Hải**.

Ông **Nguyễn Duy Tuyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Tạ Quốc Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 170/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1996 tại Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã V, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên bố: Nguyễn Văn T; Họ tên mẹ: Tô Thị T1; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Danh chỉ bản số 437 lập ngày 24/6/2020 của Công an huyện Sóc Sơn; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh **Đinh Văn B**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

2. Chị **Tạ Thị Y**, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vợ anh B). Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn S:**

Bà **Tô Thị T1**, sinh năm 1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã V, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. (Mẹ bị cáo Nguyễn Văn S). Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:**

Bà **Nguyễn Thị H** – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản là điện thoại di động để sử dụng nên khoảng 10h ngày 02/11/2019, Nguyễn Văn S (Sinh 1996; trú tại thôn A, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) đi xe đạp từ nhà đến cửa hàng điện thoại di động của gia đình chị Tạ Thị Y ở thôn T, xã M, huyện Sóc Sơn. Khi đến nơi, S gặp chị Y và nói cho xem chiếc điện thoại Oppo AK1. Chị Y lấy điện thoại cho S xem. Lợi dụng lúc cửa hàng đông khách, chị Y không để ý nên S giấu chiếc điện thoại vào người rồi bỏ ra ngoài đi xe đạp về nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số 358 ngày 13/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo AK1 của chị Tạ Thị Y tại thời điểm bị S trộm cắp trị giá 2.990.000 đồng.

Ngày 12/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Sóc Sơn đã trao trả lại chiếc điện thoại cho chị Tạ Thị Y.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị Tạ Thị Y đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu, đề nghị gì.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Văn S có biểu hiện tâm thần nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Sóc Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 201/KLGD ngày 15/6/2020 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định Nguyễn Văn S bị chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên, Nguyễn Văn S bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Đối với chiếc xe đạp S sử dụng để làm phương tiện phạm tội: Quá trình điều tra xác định là tài sản của gia đình S. Việc S sử dụng phương tiện để đi trộm cắp tài sản, gia đình S không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Sóc Sơn không đề cập xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của Nguyễn Văn S phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 162/CT-VKS ngày 15/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Bị cáo và bố bị cáo đều bị thần kinh, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Mong Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn S từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về phần dân sự: Các bên đã tự giải quyết xong và không yêu cầu gì nên Tòa án không giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo, đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo với mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại là anh Đinh Văn B và chị Tạ Thị Y tại phiên tòa: Anh Đinh Văn B và chị Tạ Thị Y đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về phần dân sự, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt nên sự vắng mặt của anh B và chị Y không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B và chị Y theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 02/11/2019, tại Cửa hàng điện thoại của gia đình chị Tạ Thị Y tại thôn T, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn S đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản và lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO AK1 của vợ chồng anh Đinh Văn B và chị Tạ Thị Y, trị giá tài sản bị cáo trộm cắp 2.990.000 đồng (Hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Mặc dù bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn nhận thức được hành vi của mình vi phạm pháp luật, cố ý phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Do vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn

khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại i, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự như đã nêu trên; căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc loại tội ít nghiêm trọng, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, đã trả lại cho bị hại và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Tòa án không phải đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 136, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hình phạt:

Xử phạt: **Nguyễn Văn S 06 (Sáu) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù cho bản án đã được hưởng án treo.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Đinh Văn B và chị Tạ Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sóc Sơn.
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn.
- Công an huyện Sóc Sơn.
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo .
- Đường sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Duy Khoa